

Báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina

Quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

Nội dung

	Trang
Bảng cân đối kế toán	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2015 VND	31/12/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15,744,856,422	17,774,072,130
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	15,019,143,497	16,036,772,946
Tiền	111		15,019,143,497	16,036,772,946
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130	7	129,378,881	1,472,777,311
Phải thu của khách hàng	131		121,278,081	1,472,382,390
Trả trước cho người bán	132		-	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	8	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		-	-
Các khoản phải thu khác	138	9	8,100,800	394,921
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	-	-
Hàng tồn kho	140		-	-
Hàng tồn kho	141		-	-
Dự phòng ngắn hạn hàng tồn kho	142		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150	11	596,334,044	264,521,873
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		544,236,900	256,521,873
Thuế GTGT được khấu trừ	152		44,097,144	-
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		8,000,000	8,000,000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5,537,758,130	5,772,786,707
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		3,332,514,248	3,544,356,041
Tài sản cố định hữu hình	221	12	164,835,728	196,327,262
Nguyên giá	222		8,941,421,661	8,941,421,661
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8,776,585,933)	(8,745,094,399)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	13	2,814,313,332	2,994,663,591
Nguyên giá	228		7,247,559,438	7,247,559,438
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,433,246,106)	(4,252,895,847)
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230	14	353,365,188	353,365,188
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	-	-

Thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2015 VND	31/12/2014 VND
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		-	-
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		-	-
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		2,205,243,882	2,228,430,666
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	143,155,689	166,342,473
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	268	16	716,477,433	716,477,433
Tài sản dài hạn khác	268	17	1,345,610,760	1,345,610,760
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		21,282,614,552	23,546,858,837

Thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2014 VND
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ ngắn hạn	300		4,758,293,121	5,594,911,800
Vay và nợ ngắn hạn	310		4,758,293,121	5,594,911,800
Phải trả người bán	312		272,360,700	434,474,316
Người mua trả tiền trước	313		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	1,109,048,390	692,695,359
Phải trả người lao động	315		-	-
Chi phí phải trả	316	19	971,073,644	1,036,681,129
Phải trả nội bộ	317		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	992,168,730	977,704,210
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		1,412,921,767	2,452,636,896
Phải trả hộ có tức, gốc và lãi trái phiếu	321		719,890	719,890
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
Nợ dài hạn	330			
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà ĐT	359		-	-
Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn	341		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16,524,321,431	17,951,947,037
Vốn chủ sở hữu	410		16,524,321,431	17,951,947,037
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21,22	185,000,000,000	185,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	254,998,000	254,998,000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	(168,730,676,569)	(167,303,050,963)
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Lợi ích cổ đông thiểu số	439			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		21,282,614,552	23,546,858,837

Thuyết minh kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Tài khoản ngoài bảng	Mã số	31/3/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi tiêu			
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
- Đồng đô la Mỹ		24,579,31	47,835,79
- Đồng Bảng Anh		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	12,178,970,000	13,533,130,000
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	12,176,370,000	13,527,130,000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	-	-
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	12,176,370,000	13,527,130,000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	-	-
6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011	-	-
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	-	-
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	-
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	-	-
6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	-	-
6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	-	-
6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	-	-
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	-	-
6.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
6.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.4.1. Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023	-	-
6.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024	-	-
6.4.3. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025	-	-
6.4.4. Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026	-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	2,600,000	6,000,000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	-
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	2,600,000	6,000,000
6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	-	-
6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031	-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.6.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033	-	-
6.6.2. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	-	-
6.6.3. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035	-	-
6.6.4. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	036	-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	-	-
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong	039	-	-

Thuyết minh kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Chi tiêu	Mã số	31/3/2015 VND	31/12/2014 VND
nước	040	-	-
6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	041	-	-
6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	042	-	-
6.8. Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay	043	-	-
6.8.1. Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	044	-	-
6.8.2. Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	045	-	-
6.8.3. Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	046	-	-
6.8.4. Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	047	-	-
6.9 Chứng khoán sira lỗi giao dịch	047	-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	1,594,320,000	227,400,000
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	1,594,320,000	227,400,000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	-	-
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	-	-
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	1,594,320,000	227,400,000
7.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055	-	-
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	-	-
7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057	-	-
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	-	-
7.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059	-	-
7.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060	-	-
7.3. Chứng khoán cầm cố	061	-	-
7.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062	-	-
7.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063	-	-
7.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064	-	-
7.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065	-	-
7.4. Chứng khoán tạm giữ	066	-	-
7.4.1. Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067	-	-
7.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068	-	-
7.4.3. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069	-	-
7.4.4. Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070	-	-
7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	071	-	-
7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072	-	-
7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	-	-
7.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074	-	-
7.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	075	-	-
7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076	-	-
7.6.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077	-	-
7.6.2. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078	-	-
7.6.3. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079	-	-
7.6.4. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	080	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Chi tiêu	Mã số	31/3/2015 VND	31/12/2014 VND
7.7. Chứng khoán sira lỗi giao dịch	081	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084	-	-

Ngày 15/4/2015

Người lập:



Dương Hữu Chinh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA
Trần Thị Vũ Nga
QUẢN TRỊ KINH DOANH ĐỐC

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Vina

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

Mã số	Thuyết minh	Quý I/2015 VND	Quý I/2014 VND	Quý I/2015 (Lấy kế) VND	Quý I/2014 (Lấy kế) VND
01	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	3,031,872,569	4,518,291,948	3,031,872,569	4,518,291,948
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2,100,493,884	1,631,016,997	2,100,493,884	1,631,016,997
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	-	-	-
01.3	Doanh thu báo lãi phát hành chứng khoán	-	-	-	-
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	-	-	-
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn	145,092,000	2,300,179,828	145,092,000	2,300,179,828
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán	-	-	-	-
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	-	-	-	-
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	755,570,978	284,941,215	755,570,978	284,941,215
01.9	Doanh thu khác	30,715,707	302,153,908	30,715,707	302,153,908
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	3,031,872,569	4,518,291,948	3,031,872,569	4,518,291,948
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	(2,887,533,499)	(3,383,475,183)	(2,887,533,499)	(3,383,475,183)
20	Lợi nhuận/(lỗ) góp của hoạt động kinh doanh	144,339,070	1,134,816,765	144,339,070	1,134,816,765
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1,571,964,676)	(1,840,850,716)	(1,571,964,676)	(1,840,850,716)
30	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	(1,427,625,606)	(706,033,946)	(1,427,625,606)	(706,033,946)
31	Thu nhập khác	-	9	-	9
32	Chi phí khác	-	(4)	-	(4)
50	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	(1,427,625,606)	(706,033,946)	(1,427,625,606)	(706,033,946)
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp liên hành	-	-	-	-
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	-	-	-	-
60	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	(1,427,625,606)	(706,033,946)	(1,427,625,606)	(706,033,946)

Ngày 15/4/2015

Người lập: 

Dương Hữu Chính
Kế toán trưởng



Công ty Cổ phần Chứng Khoán Vina

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

Mã số	Thuyết minh	Lấy kế đến 31/3/2015 (VND)	Lấy kế đến 31/3/2014 (VND)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	(1,427,625,606)	(706,033,946)
02	Điều chỉnh cho các khoản	-	-
03	Khấu hao và phân bổ	211,841,793	235,381,386
04	Các khoản dự phòng (Lãi)/ổ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
05	(Lãi)/ổ từ thanh lý TSCD	-	-
06	Chi phí lãi vay	-	-
	Thu nhập lãi tiền gửi	(25,327,383)	(38,413,155)
08	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(1,241,111,196)	(509,065,715)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu và đầu tư chứng khoán	1,299,301,286	(1,407,823,477)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	-	-
11	(Tăng)/giảm các khoản phải trả và nợ khác	(836,618,679)	(2,060,737,615)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(264,528,243)	(71,949,142)
13	Tiền lãi vay đã trả	-	-
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	-
20	Triển thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh	(1,042,956,832)	(4,049,575,949)

Mã số	Thuyết minh	Lấy kế đến 31/3/2015 (VND)	Lấy kế đến 31/3/2014 (VND)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Triển chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-
22	Triển thu từ thanh lý tài sản cố định	-	-
23	Triển chi cho vay, mua các công cụ nợ	-	-
24	Triển thu nợ vay, bán lại các công cụ nợ	-	-
25	Triển chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
26	Triển thu hồi khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	Thu nhập lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	25,327,383	38,413,155
30	Triển thuần thu từ/(chi cho) hoạt động đầu tư	25,327,383	38,413,155

Mã số	Thuyết minh	Lấy kế đến 31/3/2015 (VND)	Lấy kế đến 31/3/2014 (VND)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	-	-
32	Chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu quỹ	-	-
33	Triển vay ngắn hạn, dài hạn	-	-
34	Triển chi trả nợ vay gốc	-	-
35	Triển chi trả nợ thuế tài chính	-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đến 31/3/2015 (VND)	Lũy kế đến 31/3/2014 (VND)
40	Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(1,017,629,449)	(4,011,162,794)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	16,036,772,946	17,612,863,400
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	15,019,143,497	13,601,700,606

Ngày 15/4/2015

Người lập:



Dương Hữu Chính
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Vi Lâm Thị Tô Nga
 Giám đốc

Bảo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina

Khóa mục	Thuyết minh	Số dư đầu quý	Số dư cuối quý
Vốn cổ phần	21	185,000,000,000	185,000,000,000
Tăng dự vốn cổ phần	21	-	-
Quỹ dự phòng	21	254,998,000	254,998,000
Lỗi lũy kế	21	(165,383,921,877)	(168,730,676,569)
Total		17,951,947,037	16,524,321,431

Ngày 15/4/2015

Người lập:



Dương Hữu Chính
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Vi Lâm Thị Tô Nga
 Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam vào năm 2006 dưới hình thức công ty cổ phần với 5 cổ đông sáng lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103015219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 và theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 50/UBCK – GPHNKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006.

Hiện nay, hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tư vấn tài chính
- Lưu ký chứng khoán

Công ty có trụ sở chính đặt tại 120 Pasteur, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh theo sự phê duyệt của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam vào ngày 25 tháng 7 năm 2012. Công ty có một Văn phòng đại diện đặt tại tầng 5, số 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty có 22 nhân viên.

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ
Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ và chuyển đổi ngoại tệ

Báo cáo tài chính giữa kỳ của Công ty được lập sử dụng tiền Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với đồng tiền báo cáo được quy đổi theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá và chi phí liên quan đến các nghiệp vụ ngoại tệ được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Cơ sở lập các báo cáo tài chính
Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp chứng khoán theo quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC, thông tư 162/2010/TT-BTC và các qui định pháp lý liên quan của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Các quy định này trên một số khía cạnh trọng yếu có thể khác với Chuẩn mực Kế toán Quốc tế và các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được chấp nhận rộng rãi tại quốc gia của người đọc. Do đó, các báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam, hơn nữa, đối tượng sử dụng báo cáo tài chính của Công ty không nhằm vào những người không được thông tin về các nguyên tắc, quy trình và lập luận kế toán của Việt Nam.

Hệ thống kế toán và hình thức ghi sổ kế toán

Công ty sử dụng phương pháp nhật ký chung để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

4. Các chính sách kế toán cơ bản

Tiền và các khoản tương đương tiền
Tiền và các khoản tương đương tiền gồm tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền tại quỹ, cũng như các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao như tiền gửi các tổ chức tín dụng trên thị trường tiền tệ, tiền gửi ngân hàng trong vòng 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị trên hoá đơn trừ đi dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu được dự tính là không thể thu hồi được toàn bộ.

Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc (giá mua thực tế).

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho mỗi loại chứng khoán cụ thể trong danh mục đầu tư và cho các chứng khoán giảm giá so với giá trị ghi sổ. Dự phòng về lỗ đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được lập khi các tổ chức này chịu lỗ ngoại trừ các khoản lỗ như kế hoạch đã được dự báo trong ngân sách hoạt động của công ty trước khi đầu tư ở tỷ lệ tương đương với tỷ lệ vốn góp của Công ty vào các tổ chức này. Khi một khoản đầu tư được thanh lý chênh lệch giữa giá trị đầu tư ròng và giá trị ghi sổ được ghi nhận thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Hợp đồng ủy thác đầu giá

Các tài sản của các cá nhân, tổ chức là nhà đầu tư ủy thác đầu giá theo các hợp đồng ủy thác đầu giá được ghi nhận và trình bày là tài sản của người ủy thác đầu giá trên Bảng cân đối kế toán. Tiền ủy thác nhận được từ các nhà đầu tư này được ghi nhận là các khoản phải trả cho người ủy thác đầu giá trên Bảng cân đối kế toán.

Hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán

Chứng khoán được mua với cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (“Hợp đồng repo”) được ghi nhận là khoản phải thu theo Hợp đồng mua và bán lại chứng khoán trên Bảng cân đối kế toán, chứng khoán nhận được sẽ được quản lý trên tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán. Khoản chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại sẽ được ghi nhận như một khoản doanh thu và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian có hiệu lực của hợp đồng, theo tỷ lệ lãi suất hiệu lực của hợp đồng.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Tài sản cố định được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo tỷ lệ hàng năm như sau:

Cải tạo nâng cấp văn phòng	1 – 5 năm
Thiết bị, nội thất	1 – 3 năm
Thiết bị văn phòng	1 – 3 năm
Phương tiện vận tải	7 năm

Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được khấu hao theo phương pháp tuyến tính từ 1 năm đến 8 năm. Phần mềm máy tính bao gồm tất cả chi phí liên quan tới việc mua phần mềm tính đến ngày đưa vào sử dụng.

Xây dựng cơ bản dở dang

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển các tài sản cố định. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc phát triển đã hoàn thành, các chi phí liên quan đã được chuyển thành tài sản cố định và tài sản dở đã được đưa vào sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Tài sản có giá trị thấp

Tài sản có giá trị thấp là những tài sản có giá trị ít hơn 30 triệu đồng, và có thời gian hữu dụng dài hơn một niên độ kế toán. Những tài sản này không thỏa mãn các điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của những tài sản có giá trị thấp được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng của tài sản.

Chi phí bảo hiểm trả trước

Chi phí bảo hiểm trả trước liên quan đến các chi phí bảo hiểm trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 2 năm.

Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho khoản phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Phúc lợi cho nhân viên

Trợ cấp lương hưu

Trợ cấp lương hưu cho nhân viên được trả cho những nhân viên đã nghỉ hưu của Công ty bởi Cơ quan Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động Thương binh Xã hội. Công ty phải đóng góp khoản trợ cấp lương hưu cho nhân viên bằng cách nộp cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội ở mức 17% (từ năm 2014 trở đi là 18%) trên lương cơ bản của nhân viên hàng tháng. Công ty không có nghĩa vụ trả thêm trợ cấp lương hưu nào khác ngoài khoản trích nộp cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ chi trả tiền bảo hiểm thất nghiệp bằng 1% quỹ lương của công ty và số tiền này được sử dụng để thanh toán bảo hiểm thất nghiệp cho người tham gia bảo hiểm và công ty sẽ trừ đi 1% tiền lương của mỗi nhân viên để đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Doanh thu

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ khách hàng hoàn thành của dịch vụ tại ngày bảng cân đối kế toán và hóa đơn phát hành cho khách hàng, trong trường hợp mà phần lớn rủi ro và quyền lợi đã chuyển cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi khả năng thu tiền, ước tính hợp lý các chi phí của việc bán hàng hay khả năng hàng bán bị trả lại là không chắc chắn.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán, tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay khi nhận được thông báo trả cổ tức.

Vốn chủ sở hữu

Vốn cổ phần thể hiện mệnh giá của cổ phần đã được phát hành.

Các quỹ dự phòng

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ dự phòng theo quy định tại Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%
Quỹ dự trữ bất buộc	5%
	10% vốn điều lệ
	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Trong kỳ, Công ty không trích lập thêm quỹ dự trữ.

Chi phí thuế hoạt động (Các hợp đồng thuế)

Thuế hoạt động là việc thuế tài sản trong đó tất cả các quyền lợi và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê. Chi phí thuế hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Dự phòng

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra mà chắc chắn dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế đến đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính đáng tin cậy.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài sản thuế và nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các tài sản hoặc nghĩa vụ thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên các khoản chênh lệch tạm thời.

Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên Bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế của các khoản tài sản và công nợ đó. Đồng thời, khoản lỗ thuế có thể dùng để chuyển lỗ và thu nhập khác về thuế của Công ty cũng được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để để cân trừ vào các tài sản thuế thu nhập hoãn lại này.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính tại mức thuế được áp dụng từng kỳ tính thuế theo như quy định tại ngày kết thúc năm tài chính. Toàn bộ thay đổi về tài sản hoặc nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Những thay đổi về tài sản hoặc nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do thay đổi về giá trị của tài sản hoặc nợ được ghi nhận trực tiếp vào nguồn vốn thì được ghi nhận trực tiếp bên nguồn vốn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan khi một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan khi cùng dưới một quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/3/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	31,585,997	43,718,907
Tiền gửi ngân hàng	14,987,557,500	15,993,054,039
Tiền gửi ngân hàng	13,381,626,301	13,340,918,268
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1,605,931,199	2,652,135,771
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng dưới 3 tháng	-	-
	15,019,143,497	16,036,772,946

6. Đầu tư ngắn hạn

	31/3/2015 VND	31/12/2014 VND
Đầu tư ngắn hạn		
Chứng khoán chưa niêm yết (OTC)	-	-
Chứng khoán niêm yết	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn		
Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	31/3/2015 VND	31/12/2014 VND
Số dư đầu năm	-	-
Số hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số trích lập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

Giá trị khôi lượng giao dịch thực hiện trong kỳ:

	Quý 1/2015 VND	Quý 1/2014 VND
Của công ty chứng khoán	-	-
Cổ phiếu	-	2,657,640,000
Trái phiếu	-	-
Chứng khoán khác	-	-
Của nhà đầu tư	932,846,422,240	743,692,724,000
Cổ phiếu	932,846,422,240	743,692,724,000
Trái phiếu	-	-
Chứng khoán khác	-	-
	932,846,422,240	746,350,364,000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

11. Chi phí trả trước ngắn hạn	31/3/2015 VND	31/12/2014 VND			
Số dư đầu năm	256,521,873	443,226,569			
Mua mới	1,111,820,576	4,254,058,353			
Khấu hao trong kỳ	(824,105,549)	(4,440,763,049)			
Số dư cuối kỳ	544,236,900	256,521,873			
12. Tài sản cố định hữu hình					
	Cải tạo nâng cấp văn phòng	Thiết bị văn phòng	Thiết bị nội thất	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1,968,035,330	5,086,712,686	738,865,351	1,147,808,294	8,941,421,661
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Mua mới	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1,968,035,330	5,086,712,686	738,865,351	1,147,808,294	8,941,421,661
<i>Đã khấu hao hết</i>	1,871,798,430	4,977,969,337	738,865,351	587,145,600	8,175,778,758
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	1,884,630,034	5,007,163,503	738,865,351	1,114,435,511	8,745,094,399
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	2,405,922	9,061,944	-	20,023,668	31,491,534
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1,887,035,956	5,016,225,447	738,865,351	1,134,459,179	8,776,585,933
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	83,405,296	79,549,183	-	33,372,783	196,327,262
Số dư cuối kỳ	80,999,374	70,487,239	-	13,349,115	164,835,728

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: 0 đồng.

Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

13. Tài sản vô hình	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6,265,843,065	981,716,373	7,247,559,438
Phân loại lại	-	-	-
Mua mới	-	-	-
Chuyển từ CIP	-	-	-
Thanh lý	-	-	-
Số dư cuối kỳ	6,265,843,065	981,716,373	7,247,559,438
<i>Đã khấu hao hết</i>	1,212,354,771	593,691,373	1,808,046,144
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	3,473,246,975	779,648,872	4,252,895,847
Phân loại lại	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	157,921,509	22,428,750	180,350,259
Thanh lý	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3,631,168,484	802,077,622	4,433,246,106
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2,792,596,090	202,067,501	2,994,663,591
Số dư cuối kỳ	2,634,674,581	179,638,751	2,814,313,332
14. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang			
		31/3/2015 VND	31/12/2014 VND
Số dư đầu năm		353,365,188	353,365,188
Tăng trong kỳ		-	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình		-	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình		-	-
Số dư cuối kỳ		353,365,188	353,365,188
15. Chi phí trả trước dài hạn			
		31/3/2015 VND	31/12/2014 VND
Số dư đầu năm		166,342,473	59,229,428
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình		-	-
Chuyển từ tài sản cố định vô hình		-	-
Mua mới		-	168,832,492
Khấu hao trong kỳ		(23,186,784)	(61,719,447)
Số dư cuối kỳ		143,155,689	166,342,473

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

16. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	31/3/2015	31/12/2014
	VND	VND
	716,477,433	460,085,455
Tiền nộp ban đầu	-	-
Tiền nộp bổ sung	-	256,391,978
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	716,477,433	716,477,433
17. Tài sản dài hạn khác	31/3/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền đặt cọc thuế văn phòng HCM	1,320,000,000	1,320,000,000
Ký quỹ dài hạn khác	5,000,000	5,000,000
Tiền đặt cọc thuế văn phòng HN	20,610,760	20,610,760
	1,345,610,760	1,345,610,760
18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/3/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	32,987,535	88,681,973
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	270,361,175	286,340,699
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	805,699,680	317,672,687
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	1,109,048,390	692,695,359
19. Chi phí phải trả	31/3/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp phải trả	319,347,995	252,999,996
Chi phí ngày phép chưa dùng hết của nhân viên	135,877,364	135,877,364
Chi phí phải trả khác	515,848,285	647,803,769
	971,073,644	1,036,681,129

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

20. Phải trả, phải nộp khác	31/3/2015	31/12/2014
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	61,824,880	64,164,880
Bảo hiểm y tế	13,245,885	13,650,885
Bảo hiểm thất nghiệp	6,598,000	4,935,760
Kinh phí công đoàn	789,361,827	773,814,547
Trợ cấp thôi việc cho nhân viên	119,985,750	119,985,750
Phải trả khác	1,152,388	1,152,388
	992,168,730	977,704,210
21. Vốn chủ sở hữu	Quý dự trữ pháp định và dự phòng tài chính VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ của năm trước	185,000,000,000	(165,383,921,877)
Lỗ trong năm trước	-	(1,919,129,086)
Số dư cuối kỳ của năm trước	185,000,000,000	(167,303,050,963)
Lỗ trong kỳ	-	(1,427,625,606)
Số dư cuối kỳ	185,000,000,000	(168,730,676,569)
22. Vốn điều lệ	Số dư cuối kỳ	185,000,000,000
	Vốn điều lệ của Công ty là 185 tỷ đồng chia thành 18.5 triệu cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10,000 đồng một cổ phiếu đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Quyết định số 360/UBCK-GP ngày 19 tháng 10 năm 2010.	
	Chi tiết cổ phiếu phát hành được trình bày như sau:	
	31 tháng 3 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
	Số lượng cổ phiếu VND	Số lượng cổ phiếu VND
Phê chuẩn:	18,500,000	185,000,000,000
Cổ phiếu thường	18,500,000	185,000,000,000
Đã phát hành và thanh toán:	18,500,000	185,000,000,000
Ngày 1 tháng 1	-	-
Phát hành cổ phiếu mới	18,500,000	185,000,000,000
Số dư cuối kỳ	18,500,000	185,000,000,000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

Danh sách các cổ đông tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 chi tiết như sau:

	31 tháng 3 năm 2015		31 tháng 12 năm 2014	
	Số lượng Cổ phiếu	Số tiền VNĐ'000	Số lượng Cổ phiếu	Số tiền VNĐ'000
Chu Động Ngọc Trinh	9,435,000	94,350,000,000	51.00	94,350,000,000
VinaSecurities Capital Limited	1,813,000	18,130,000,000	9.80	18,130,000,000
VN Securities Limited	1,813,000	18,130,000,000	9.80	18,130,000,000
VinaSecurities Limited	1,813,000	18,130,000,000	9.80	18,130,000,000
VNS Capital Limited	1,813,000	18,130,000,000	9.80	18,130,000,000
Saigon Capital Limited	1,813,000	18,130,000,000	9.80	18,130,000,000
	18,500,000	185,000,000,000	100.00	185,000,000,000

23. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Quý I/2015 VNĐ	Quý I/2014 VNĐ
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2,100,493,884	1,631,016,997
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán	145,092,200	2,300,179,828
Doanh thu từ hợp đồng mua với cam kết sẽ bán lại	-	-
Doanh thu từ dịch vụ nghiên cứu, phân tích	-	-
Doanh thu từ cổ tức chứng khoán tự doanh	-	-
Doanh thu từ lãi tiền gửi và đánh giá lại ngoại tệ	-	-
Doanh thu khác	786,286,685	587,095,123
	3,031,872,569	4,518,291,948

24. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Quý I/2015 VNĐ	Quý I/2014 VNĐ
Chi phí cho hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	328,588,049	292,149,687
Chi phí cho hoạt động đầu tư chứng khoán	-	-
Chi phí cho hoạt động REPO	-	-
Chi phí cho hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	-
Chi phí dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	-
Chi phí lãi vay	-	-
Chi phí dịch vụ phân tích	-	-
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	2,558,945,450	3,091,325,496
Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh chứng khoán	898,176,996	1,263,086,347
Chi phí nhân công	183,999,375	186,569,481
Khấu hao và phân bổ	1,275,799,672	1,412,785,995
Các dịch vụ thuê ngoài	1,391,213	15,136,129
Đánh giá lại ngoại tệ	199,578,194	213,747,544
Chi phí khác	2,887,533,499	3,383,475,183

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I/2015 VNĐ	Quý I/2014 VNĐ
Chi phí nhân công	1,044,488,148	1,171,353,178
Dùng cụ văn phòng	60,803,255	46,808,298
Khấu hao và phân bổ	27,842,418	48,811,905
Chi phí thuê văn phòng	198,000,000	244,471,500
Các dịch vụ thuê ngoài	177,794,818	231,927,129
Dự phòng các khoản nợ ngắn hạn khó đòi	-	-
Chi phí khác	63,036,037	97,478,706
	1,571,964,676	1,840,850,716

26. Thu nhập khác

	Quý I/2015 VNĐ	Quý I/2014 VNĐ
Thu nhập khác	-	9
Thanh lý TSCĐ	-	-
Write off nợ quá hạn không xác định	-	-
	-	9

27. Chi phí khác

	Quý I/2015 VNĐ	Quý I/2014 VNĐ
Chi phí khác	-	4
	-	4

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Quý I/2015 VNĐ	Quý I/2014 VNĐ
Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên tổng thu nhập chịu thuế hàng năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên hoạt động có lãi và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo.	-	-
(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	-
Chi phí thuế năm hiện hành	-	-
Dự phòng thiếu(thừa) trong những năm trước	-	-
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	-	-
Lợi ích của việc Giám thuế suất chưa sử dụng (thu nhập)	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận chưa sử dụng (thu nhập)	-	-
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	-	-

(b) Điều chỉnh giữa các khoản lãi/(lỗ) trước thuế và lãi/(lỗ) chịu thuế như sau:

	Quý I/2015 VND	Quý I/2014 VND
Lãi/(lỗ) trước thuế	(1,427,625,606)	(706,033,946)
Điều chỉnh tăng lợi nhuận	(65,607,485)	(367,721,504)
Chi phí phải trả	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Trợ cấp thôi việc	-	-
Ước tính chi phí không được khấu trừ thuế	-	-
Lãi/(lỗ) chịu thuế ước tính	(1,493,233,091)	(1,073,755,450)
Lỗ kỹ trước chuyển sang	-	-
Thuế được miễn giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm phải nộp	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

Do Công ty có kết quả kinh doanh lỗ nên Công ty không lập dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp cho quý I năm 2015.

Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên báo cáo tài chính kèm theo cho khoản lỗ trên vì Công ty không chắc chắn sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng khoản lỗ trên trong tương lai.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015

29. **Giao dịch với các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Quý I/2015 VND	Quý I/2014 VND
Bà Chu Đặng Ngọc Trinh	Cổ đông	Phí môi giới chứng khoán	1,186,024	8,836,008
Ông Horst Joachim Franz Geicke	Cổ đông	Phí môi giới chứng khoán	1,230,342	4,733,728

Ngày 15/4/2015

Người lập:


Dương Hữu Chính
Kế toán trưởng



2015